

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 789/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Kim S, sinh năm 1966;

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số A đường L, Tổ B, Khu phố C, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2021 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T tiến tới hôn nhân tự nguyện vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc được 20 (hai mươi) năm, mâu thuẫn phát sinh do tuổi tác càng lớn nên hai bên thay đổi tính tình dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng nhiều không khắc phục được, sống ly thân từ năm 2019 đến nay, cả hai xác định không còn tình cảm, cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T chung sống đến nay mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai thống nhất thỏa thuận ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T có 03 (ba) người con chung là: Lê Thị Hoài L (nữ), sinh năm 1992; Lê Trọng N (nam), sinh năm 1997 và Lê Thị Ánh T, sinh năm 2001; tất cả đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 02KHT, số 407/95 ngày 20 tháng 11 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T có 03 (ba) người con chung là: Lê Thị Hoài L (nữ), sinh năm 1992; Lê Trọng N (nam), sinh năm 1997 và Lê Thị Ánh T, sinh năm 2001; tất cả đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Kim S và bà Nguyễn Thị T cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0041990 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Sang và bà Thu đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND Quận N, TP Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT (TK Duyên).⁽¹⁰⁾

THẨM PHÁN

Lê Thị Phơ